TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2019.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH P

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Ông **Đỗ Cao V**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông **Lê Văn H**

2.Ông **Vũ Văn C**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Phạm Việt H -** Cán bộ TAND TP. V

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố V xét xử công khai vụ án thụ lý số 626/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 thỏng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoàn phiên tòa số 264/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 8, Tổ 35G, khu 16 , phường G, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 8, Tổ 35G, khu 16 , phường G, thành phố V, tỉnh P.

(Chị H có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/4/2014 tại trụ sở UBND xã Y, huyện T, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với anh chị chồng sau đó thuê nhà ở riêng. Cuộc sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh T - sinh ngày 25/11/2015. Khi ly hôn chị để cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh Q.

Về tài sản chung, công sức trong thời gian sống chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 18/01/2019 có lưu trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn anh, quan điểm của anh Q cũng đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh T - sinh ngày 25/11/2015. Khi ly hôn anh xin được nuôi con và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Q xác định vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toµ ¸n đã báo anh Q đến làm việc nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt đồng thời chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiÕn hµnh thủ tục hoµ gi¶i giữa c¸c bªn ®-¬ng sù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

VÒ tr×nh tù thñ tôc tè tông:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q, anh Q cư trú tại phường G, thành phố V, tỉnh P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 135 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qu¸ trình gi¶i quyÕt vô ¸n Tßa ¸n ®· tiÕn hµnh c¸c thñ tôc tè tông theo ®óng quy ®Þnh cña ph¸p luËt. Anh Q ®-îc Tßa ¸n triÖu tËp hîp lÖ lÇn thø hai mµ vÉn v¾ng

mÆt không lý do. Nh- vËy, lµ anh Q cố tình không hợp tác, việc anh Q cố tình không đến Tòa có nghĩa là anh Q từ chối quyền được trình bày tại Tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định t¹i ®iÓm b kho¶n 2 §iÒu 227 Bé luËt tè tông d©n sù, Tòa án tiến hành ®-a vụ án ra xĐt xö vắng mặt anh Q.

Vụ án thuộc trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa do Tòa án không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ.

VÒ néi dung:

[1] Xem xét quan hệ hôn nhân chị H và anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuéc sèng chung cña chÞ H và anh Q cã m©u thuÉn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau việc này đã được cả chị H và anh Q xác nhận thể hiện tại hồ sơ vụ án. Nay chÞ H cho rằng tình cảm không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly h«n anh Q. Quan điểm của anh Q bản tự khai có lưu trong hồ sơ thể hiện anh Q cũng đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Q thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung:

Chị H và anh Q đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh T - sinh ngày 25/11/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh Q.

Khi ly hôn quan điểm của chị H để cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh Q.

Quan điểm của anh Q tại bản tự khai lưu trong hồ sơ thể hiện xin được nuôi cháu T và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh Q về con chung không trái với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Q về con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian sống chung, và nợ chung: Chị H và anh Q đều thống nhất xác định vợ chồng không có không đề nghị

Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227 ; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xö công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh T - sinh ngày 25/11/2015 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Q.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp chăm sóc con chung.

3.VÒ tµi s¶n chung, c«ng søc trong thời gian sống chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đó nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002952 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Nguyªn ®¬n có mặt cã quyÒn kh¸ng c¸o trong h¹n 15 ngµy kÓ tõ ngµy tuyªn ¸n, bÞ ®¬n vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết ®Ó ®Ò nghÞ xÐt xö theo trình tự phóc thÈm.

N¬i nhËn:
- *VKSND tØnh,TP;*
- *Chi cục THADS TP V;*
- *C¸c ®-¬ng sù;*
- *UBND X. Y, H. T, T. P;*
- *L-u HS.VP.*

TM.Héi ®ång xÐt xö SƠ THẨM
ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ

Đỗ Cao V

TAND tØnh Phó Thä
TAND tP. ViÖt Tr×
----

céng hoµ x· héi chñ nghÜa ViÖt Nam
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi .... giờ.....phút, ngày 22 tháng 01 năm 2018
Tại: Phòng nghị án
Với Hội đồng xét xử thẩm gồm có:

ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ: Ông **Đỗ Cao Vân.**

C¸c Héi thÈm nh©n d©n: 1.Ông **Lê Văn Hiền.**

2.Bµ **Nguyễn Thị Mùi.**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 388/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu Huyền,** sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Tổ 16 (Nay là tổ 7), khu 9, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 35G, khu 16, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Hà Văn Tám**, sinh năm 1980.

ĐKHKTT: Tổ 16 (Nay là tổ 7), khu 9, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

1. VÒ ®iÒu luËt ¸p dông:

- ĐiÓm b kho¶n 2 §iÒu 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- §iÒu 56 LuËt h«n nh©n vµ gia ®×nh.
- ¸p dông kho¶n 4 ®iÒu 147 BLTTDS.

KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3

2. VÒ néi dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Xö cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Hà Văn Tám.
- Về con chung: Không có không đặt ra xem xét giải quyết.
- VÒ tµi s¶n chung, c«ng søc trong thời gian sống chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án này.

KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3

VÒ ¸n phÝ: ¸p dông kho¶n 4 ®iÒu 147 BLTTDS. ChÞ Nguyễn Thị Hồng Thanh ph¶i chÞu 300.000®ång ¸n phÝ ly h«n s¬ thÈm. Xác nhận chị Thanh đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004977 ngày 27/4/2018của chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ .... phút, ngày 23 tháng 5 năm 2019

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Vân

Toµ ¸n nh©n d©n **céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam**
Thµnh phè viÖt tr× **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**

tØnh Phó Thä

ViÖt Tr×, ngµy 25 th¸ng 02 n¨m 2019.

Sè: **70** /TL-BA

TrÝch lôc
BẢN ÁN LY HÔN SƠ THẨM

T¹i bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm sè 70/2018/BA.ST-HNG§ ngµy 14/12/2018 vÒ viÖc: "H«n nh©n vµ gia ®×nh" gi÷a:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền Trang -** sinh năm 1992.

ĐKHKTT tại: Tổ 57, khu 14, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: khu Phương Lai 6, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang Huy -** sinh năm 1988.

ĐKHKTT tại: Tổ 57, khu 14, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

toµ ¸n nh©n d©n thµnh phè viÖt tr× - tØnh phó thä
®· quyÕt ®Þnh:

Căn cứ: Kho¶n 2 §iÒu 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, §iÒu 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 LuËt h«n nh©n vµ gia ®×nh năm 2014.

Kho¶n 4 ®iÒu 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xö cho chị Nguyễn Thị Huyền Trang được ly hôn với anh Nguyễn Quang Huy.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo Trâm - sinh ngày 29/6/2012 cho chị Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huy có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Trang số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp chăm sóc con chung.

3.VÒ tµi s¶n chung, c«ng søc trong thời gian sống chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4.VÒ ¸n phÝ ly hôn sơ thẩm: ChÞ Nguyễn Thị Huyền Trang ph¶i chÞu 300.000 ®ång (Ba trăm nghìn đồng) ¸n phÝ ly h«n s¬ thÈm. Xác nhận chị Trang đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000322 ngày 16/10/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quang Huy phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

"*Tr-êng hîp bản án ®-îc thi hµnh theo qui ®Þnh t¹i ®iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ®-îc thi hµnh ¸n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tho¶ thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn y^u cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo qui ®Þnh t¹i c¸c ®iÒu 6, 7,7a vµ 9 luËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo qui ®Þnh t¹i ®iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù*".

Toµ ¸n nh©n d©n thµnh phè viÖt tr×